

Số: 03/2025/QĐST-DS

Cao Bằng, ngày 21 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Biền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Văn Cương
2. Ông Bế Văn Hạnh

Căn cứ các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 3, 20, 24, 43, 73 Luật Đất đai 1993 và các Điều 26, 27, 31 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 07/2025/TLST-DS ngày 06/02/2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L

Địa chỉ: N, xã T, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Bà Bế Thị H

Địa chỉ: Số nhà A, xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nông Duy H1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Ngọc S

2. Bà Nông Thị L1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Ngọc S

3. Ông Nông Ngọc S

Cùng địa chỉ: Số nhà A, xóm B, xã Đ, tỉnh Cao Bằng.

4. Ông Hoàng Văn H2, sinh năm 1977

5. Ông Hoàng Văn H3, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: N, xã T, Cao Bằng.

6. Bà Hoàng Thị H4, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ - Q - Lâm Đồng.

7. Hoàng Thị Thu H5

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị L

Địa chỉ: Thôn Đ - Q - Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hoàng Thị L

8. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Thu H6, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạch An

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị H7, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bé Thị H, ông Nông Duy H1, bà Nông Thị L1: Bà Nông Thị Thu T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Phần đất đang tranh chấp có diện tích 2898 m² địa chỉ tại N, xã T, tỉnh Cao Bằng thuộc thửa 477, tờ bản đồ đất lâm nghiệp xã L năm 2013.

- Bà Hoàng Thị L sử dụng diện tích đất tranh chấp 966 m² được giới hạn bởi các điểm ABCDEA để trồng rừng, có tứ cận phía Tây giáp phần đất không tranh chấp của bà Hoàng Thị L, phía Nam giáp đất nhà ông Hứa Minh T1, phía Bắc giáp đất bà Bé Thị H và phía đông giáp phần đất còn lại đang tranh chấp.

Bà Bé Thị H sử dụng phần diện tích đất tranh chấp 1932 m² được giới hạn bởi các điểm CDLHGFC để trồng rừng, có tứ cận phía Tây giáp phần đất còn lại đang tranh chấp, phía Nam giáp đất nhà ông Hứa Minh T1, phía Đông giáp đất bà ông Lê Văn N và phần bắc giáp đất của bà Bé Thị H.

- Về tài sản trên đất: Các bên đương sự tự nguyện thoả thuận cây trồng (cây hồi, cây quế) nằm trên phần đất của bên nào thì thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên đó.

Có sơ đồ trích đo của cơ quan chuyên môn kèm theo.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2025 là 6.426.000đ (Sáu triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 3.213.000đ (Ba triệu hai trăm mười ba nghìn đồng). Bị đơn tự nguyện chịu số tiền 3.213.000đ (Ba triệu hai trăm mười ba nghìn đồng). Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 3.213.000đ (Ba triệu hai trăm mười ba nghìn đồng).

- Về án phí: bà Hoàng Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và bà Bé Thị H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên bà L, bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị L được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002119 ngày 06/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 - Cao Bằng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 2 – Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cao Bằng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Thị Biễn

